

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ QUANG TRUNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /PA-UBND

Xã Quang Trung, ngày tháng 12 năm 2024

**PHƯƠNG AN**  
**Sản xuất vụ xuân 2025**

**Phần thứ nhất**  
**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2024**

**I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH**

Tổ chức triển khai sản xuất vụ Xuân năm 2024, trên địa bàn xã với những thuận lợi: sản xuất trồng trọt luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND xã, sự tham gia phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội và các ngành liên quan; dịch vụ phục vụ sản xuất cơ bản cung ứng đầy đủ, kịp thời; công tác thủy lợi, dự tính, dự báo và phòng trừ sâu bệnh chủ động và đạt hiệu quả cao. Đây là cơ sở để các thôn, nông dân và cộng đồng doanh nghiệp tập trung tổ chức phát triển sản xuất trồng trọt nhằm đạt kết quả, hiệu quả cao nhất.

Bên cạnh thuận lợi, sản xuất ngành trồng trọt cũng gặp nhiều khó khăn đó là: Thời tiết, khí hậu có sự biến đổi khác biệt so với quy luật hàng năm; đầu vụ rét kéo dài, một số ngày rét đậm, mưa muộn, lượng mưa lớn tập trung ở cuối vụ làm ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng, nhất là cây lúa trong thời kỳ thu hoạch; giá vật tư nông nghiệp, nhiên liệu, nhất là phân bón giai đoạn đầu vụ cao ảnh hưởng đến khả năng đầu tư của nông dân. Lao động khu vực nông nghiệp ngày càng ít, trong khi mô hình sản xuất nông hộ vẫn chiếm đa số; đầu tư của các doanh nghiệp cho sản xuất trồng trọt còn hạn chế nhất là khâu liên kết và tiêu thụ sản phẩm.

Đánh giá được tình hình, UBND xã đã chỉ đạo, ban hành kế hoạch trồng trọt tổng thể cả năm, triển khai kế hoạch sản xuất vụ Xuân, từ đó các thôn đã có cơ sở để triển khai thực hiện. Vì vậy sản xuất trồng trọt vụ Xuân năm 2024 đã đạt được những kết quả quan trọng.

**II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2024**

**1. Diện tích, năng suất, sản lượng**

Vụ Xuân 2024, toàn xã gieo trồng được 147,2ha trong đó: Tổng diện tích lúa: 120ha, năng suất đạt 61 tạ/ha, sản lượng lương thực vụ Chiêm Xuân đạt 738 tấn đạt 100% so với KH.

Rau đậu các loại 27,2ha. Năng suất 131,9 tạ/ha, sản lượng đạt khoảng 358,7 tấn.

**2. Đánh giá chung**

**2.1. Những kết quả nổi bật**

Sự quan tâm chỉ đạo cụ thể, sát sao của các cấp, các ngành từ xã đến các thôn ban

hành kế hoạch sớm làm định hướng trong xây dựng mục tiêu, giải pháp, hướng dẫn nông dân về cơ cấu giống, thời vụ gieo trồng, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, tổ chức sản xuất có hiệu quả cao. Đặc biệt, trước sự ảnh hưởng của thời tiết bất thuận: cùng với cả hệ thống chính trị, ngành nông nghiệp từ xã đến cơ sở đã triển khai nhiều giải pháp linh hoạt, phòng chống, kiểm soát tốt dịch bệnh, ổn định sản xuất, nhất là cung ứng giống, vật tư đầu vào, tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho nông dân. Ban hành nhiều văn bản chỉ đạo hướng dẫn; chỉ đạo các giải pháp kỹ thuật, phòng trừ sâu bệnh, khắc phục thiên tai, dịch bệnh; phân công cán bộ bám sát cơ sở, nắm bắt, phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời.

Công tác thông tin, tuyên truyền tiếp tục được quan tâm và đổi mới; Công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp ngày càng được tăng cường đã phát hiện ngăn chặn kịp thời các lô giống, vật tư kém chất lượng đưa vào địa bàn. Hoạt động dịch vụ công đáp ứng cơ bản các nhu cầu điện, nước, máy móc, trang thiết bị vật tư phục vụ sản xuất giúp nông dân tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Cơ cấu giống cây trồng, thời vụ, tiếp tục có sự chuyển dịch tích cực theo hướng phù hợp với chân đất, thích ứng với điều kiện thời tiết khí hậu và thị trường tiêu thụ.

## **2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **\* Tồn tại, hạn chế**

- Thời tiết, khí hậu có sự biến đổi khác biệt so với quy luật hàng năm; mưa muộn, lượng mưa tập trung chủ yếu ở cuối vụ; đầu vụ rét kéo dài, một số ngày rét đậm làm ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng, nhất là cây lúa.

- Lao động trong khu vực nông nghiệp ngày càng ít, sản xuất nông hộ vẫn chiếm đa số; cơ giới hóa tuy phát triển song mới chỉ thực hiện được ở một số khâu và trên những diện tích lớn; phương thức canh tác thủ công vẫn chiếm tỷ lệ lớn ở nhiều khâu.

- Giá trị thu nhập/đơn vị diện tích tuy có tăng nhưng còn chậm. Thu hút doanh nghiệp còn hạn chế, các doanh nghiệp lớn đầu tư vào ngành Trồng trọt chưa nhiều; việc xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, quảng bá sản phẩm còn ít; ứng dụng KHKT vào sản xuất còn chậm nhất là ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ.

- Hoạt động của các HTX dịch vụ nông nghiệp còn đơn điệu, manh mún, chưa năng động, chưa chủ động xây dựng kế hoạch, phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt là vai trò của các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trong khâu làm đất và máy gặt.

### **\* Nguyên nhân**

Quy mô sản xuất ngành trồng trọt vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, chủ yếu vẫn ở hình thức sản xuất hộ gia đình; tính đồng bộ, khả năng ứng dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế, ảnh hưởng tới tâm lý sản xuất của người dân và đầu tư của doanh nghiệp vào sản xuất trồng trọt.

Giá vật tư nông nghiệp, nhiên liệu giai đoạn đầu vụ cao ảnh hưởng đến khả năng đầu tư của nông dân. Lao động khu vực nông nghiệp ngày càng ít.

## **Phần thứ hai**

## **KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2025**

### **I. DỰ BÁO MỘT SỐ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SẢN XUẤT**

#### **1. Tình hình thời tiết khí hậu, thủy văn, nguồn nước**

Theo nhận định của Trung tâm dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia:

- Từ tháng 11/2024-01/2025: Dự báo ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái La Nina với xác suất 60-70%. Không khí lạnh có khả năng hoạt động mạnh trong tháng 12/2024-01/2025 và khả năng xảy ra những đợt rét đậm rét hại kéo dài, kèm theo hiện tượng sương muối, băng giá trong thời gian này. Lượng mưa khu vực Bắc Trung Bộ xấp xỉ với TBNN. Tháng 12/2024, TLM ở khu vực Bắc Trung Bộ phổ biến từ 15-30mm; Tháng 01/2025, TLM ở khu vực Bắc Trung Bộ phổ biến từ 20-50mm. Lượng mưa: trong tháng 12/2024 và tháng 01/2025, mực nước trên các sông xuống dần, lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An giảm dần; Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa cao hơn TBNN cùng kỳ 10-60%;

- Từ tháng 02-4/2025: Dự báo hiện tượng ENSO duy trì ở trạng thái La Nina yếu đến khoảng tháng 3-4/2025 với xác suất khoảng 50-60%. Nhiệt độ trung bình (NĐTĐ) trên cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN; riêng tháng 3/2025 có khả năng cao hơn từ 0,5-1,00C so với TBNN cùng thời kỳ. Lượng mưa: tháng 02/2025, TLM ở khu vực Bắc Trung Bộ phổ biến 20-50mm; tháng 4/2025, TLM phổ biến 40-80mm (xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ). Nguồn nước: mực nước các sông trong khu vực biến đổi chậm theo xu thế xuống dần. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa tương đương TBNN cùng kỳ.

#### **1. Thuận lợi, khó khăn**

##### **\* Thuận lợi**

- Ngành trồng trọt tiếp tục được quan tâm của cấp ủy Đảng, Chính quyền các cấp; nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất tiếp tục được ban hành, tạo động lực cho phát triển.

- UBND xã đã ban hành phương án sản xuất ngành trồng trọt năm 2025 làm căn cứ để các thôn xây dựng phương án sản xuất đảm bảo mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, đặc biệt là ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất, hạ tầng sản xuất tiếp tục được đầu tư hoàn thiện giúp cho sản xuất đạt hiệu quả cao hơn. Công tác quản lý giống, phân bón, thuốc BVTV và đảm bảo an toàn thực phẩm của các cấp, các ngành ngày càng đi vào nề nếp.

##### **\* Khó khăn**

- Tình hình an ninh, chính trị thế giới, khu vực có nhiều biến động khó lường vẫn là nguy cơ gây khó khăn cho sản xuất và đời sống.

- Thời tiết cực đoan và biến đổi khí hậu, sâu bệnh phát sinh phát triển trái quy luật là nguy cơ gây thiệt hại lớn cho sản xuất trồng trọt. Mặt khác, các hạn chế về mặt nội tại của ngành như diện tích nhỏ lẻ, thiếu lao động có chuyên môn cao vẫn là những yếu tố gây khó khăn cho sản xuất trồng trọt.

- Việc phát huy vai trò của các HTX, tổ HTX tham gia sản xuất trồng trọt từ khâu đầu tư đến liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm còn rất hạn chế, chưa tạo được nhiều chuỗi giá trị trong sản xuất.

- Giá vật tư đầu vào vẫn còn ở mức cao, liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ còn ít. Thị trường giống, vật tư nông nghiệp và nông sản biến động thất thường.

## **II. MỤC TIÊU SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2025**

Mục tiêu sản xuất vụ Xuân 2025: Toàn xã gieo trồng 137,2 ha, trong đó: diện tích lúa: 105,2 ha, năng suất đạt 62 tạ/ha, sản lượng 652,2 tấn; diện tích ngô: 1 ha, năng suất 42 tạ/ha, sản lượng 4,2 tấn; diện tích rau màu: 28 ha; diện tích cây trồng khác: 2 ha

*(Chỉ tiêu giao chi tiết tại phụ lục 01 đính kèm)*

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Bố trí cơ cấu giống cây trồng và thời vụ**

Năm 2025 nhuận 2 tháng 6 âm lịch, từ đó thời vụ sẽ không quá eo hẹp như những năm khác; hiện tượng rét đậm, rét hại có khả năng xuất hiện trên diện rộng từ nửa cuối tháng 12/2024 đến tháng 01/2025, cùng với quan điểm tăng tối đa diện tích Xuân muộn, gieo mạ trước từ 15-20 ngày. Bố trí các trà lúa trở trọng điểm từ 5/4-15/4/2025, trong đó tập trung từ 10/4-15/4/2025.

Ưu tiên lựa chọn sử dụng giống ngắn ngày chất lượng cao, giống dài ngày chỉ bố trí trên các chân đất đặc thù; khuyến cáo mở rộng diện tích lúa nếp, giống lúa có năng suất cao, chất lượng tốt, gạo ngon, hạt dài. Bố trí gọn từng trà, mỗi cánh đồng chỉ sử dụng từ 1-2 loại giống, gieo tập trung trong khoảng 3-5 ngày.

Trên cơ sở đó, UBND xã khuyến cáo cơ cấu trà, chân đất và bộ giống phục vụ sản xuất như sau:

#### **\* Cây Lúa:**

Vùng sâu trũng, lúa cá: Bố trí các giống chịu rét, có thời gian sinh trưởng từ 180-190 ngày như các giống Xi23, J02 giống địa phương, cơ cấu chủ yếu trà xuân sớm.

Vùng đồng bằng chân đất vằn thấp đến vằn trung bình: tập trung các giống có năng suất cao, chất lượng khá trở lên, như: ST 25, Thái Xuyên 111, QL301, VT404, VT868, Quốc Tế 1, Ly 2099, Thụy hương 308, Phúc ưu 868, Long Hương 8117, Phúc Thái 168, D ưu 725, Nhị ưu 838, Nhị ưu 986, C Ưu đa hệ số 1, Phú ưu 987, Hương ưu 98, Các giống lúa thuần: TBR45, Q5, Kim cương 90, Hương Bình, DQ 11, TH998, HANA167, ADI 168, Bắc thơm số 7, Hương Thanh 8, Tân Ưu 98, ...: cơ cấu chủ yếu trà Xuân muộn.

Vùng thâm canh trên chân đất vằn cao, vằn trung bình: Cơ cấu trà xuân muộn các giống lúa chất lượng và phục vụ chế biến có thời gian sinh trưởng ngắn ngày như: MHC2, VT656, HD879, Nghi Hương 305, Nghi Hương 2308, CT 16, Hoa Ưu 7185,... Các giống lúa thuần: Bắc Thịnh, TBR225, TBR97, TBR89, TBR87, Thái Hương, Thiên ưu 8, HANA số 7, HANA số 6, ADI 28, Đài thơm 8, Dục Hương 8, VNR 20, Khang dân đột biến, LTH31, Hà Phát 3, Thiên Hương 6; Các giống nếp: N97, N98, A Sào, Nếp Hương, Nếp thơm 86, KING 6, Nếp vàng 1.

Về thời vụ: Các giống có thời gian sinh trưởng dài trên 135 ngày bố trí lúa trở vào thời điểm từ 05 - 10/4; các giống có thời gian sinh trưởng từ 120 - 135 ngày bố trí lúa trở tập trung vào thời điểm từ 5/4 - 15/4/2025 căn cứ vào thời gian sinh trưởng, xác định thời điểm gieo cấy phù hợp..

*(Cơ cấu bộ giống chủ lực và thời vụ cụ thể có lịch kèm theo)*

\* *Cây ngô*: Đất chuyên màu, đất lúa khó tưới chuyển trồng ngô bằng các giống: PSC102, PSC747, CP111, CP311, CP511, CP501S, CP811, NK4300Bt/GT, NK4300, NK66Bt/GT, NK6275, NK 7328, DK6919S, DK6818S, DK9955S, DK9979C, TBM189...; Ngô nếp: ADI 668, TBM18, HN88, HN68, HN92,

TMB135...; Đất đồi thấp sử dụng các giống: PSC747, PSC102, CP 501S, CP111, NK4300BT/GT, NK4300, DK6919S, CP501S. Thời vụ gieo trồng sau 04/2/2025.

\* *Cây lạc*: Đất chuyên màu, đất bãi các giống: L14, L18, L23, L26, TB25, TB29.

\* *Cây rau màu*: lựa chọn các giống cây trồng thích hợp với từng vùng, từng địa phương, có thị trường tiêu thụ để mở rộng diện tích như khoai tây, rau an toàn, hoa, cây thức ăn gia súc, ... đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện có hiệu quả việc bố trí các cây màu trên đất trồng lúa được chuyển đổi. Những nơi khó khăn về nước tưới cần tranh thủ thời tiết có mưa, đất đủ ẩm để gieo trồng, chăm sóc và linh hoạt các hình thức tưới có hiệu quả cho cây trồng.

*(Cơ cấu và thời vụ các giống cây trồng chủ lực có lịch gieo trồng kèm theo)*

## **2. Tập trung thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật thâm canh, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất**

Làm ải, ngâm dầm tối đa diện tích đất không gieo trồng vụ Đông; những diện tích làm vụ Đông phải thu hoạch và vệ sinh đồng ruộng sạch sẽ trước khi làm đất gieo trồng vụ Xuân.

Không gieo trồng, chăm sóc bón phân trong những ngày có nhiệt độ dưới 16<sup>0</sup>C; che phủ nilon 100% cho mạ vụ Xuân; mở rộng diện tích làm mạ khay, máy cấy, gieo hạt bằng máy, làm bầu, bánh, nhân giống trong vườn ươm trước khi ra ruộng sản xuất.

Bón phân cân đối theo phương châm nặng đầu, nhẹ cuối, bón tập trung; tăng cường sử dụng vôi bột cải tạo đất và sử dụng phân hữu cơ và phân NPK tổng hợp chuyên dùng cho cây trồng theo khuyến cáo của các đơn vị sản xuất kinh doanh có thương hiệu uy tín như: Tiên Nông, Lâm Thao, Bình Điền, Thiên Nông, Phú Nông, Phúc Thịnh, Long Điền,...

Ứng dụng tốt các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất: cấy hiệu ứng hàng biên; áp dụng quản lý dinh dưỡng, quản lý dịch hại tổng hợp, sử dụng phân viên dúi sâu cho các vùng không chủ động nước tưới, vùng chủ động nước tưới thực hiện quy trình rút nước lộ ruộng (nông lộ phơi), che phủ nilon, màng hữu cơ trên các loại cây rau màu, cây lạc. Tập trung mở rộng diện tích gieo trồng theo quy trình sản xuất nông nghiệp tốt, sản xuất hữu cơ; đồng thời thực hiện tốt việc phơi sấy, bảo quản để đảm bảo chất lượng nông sản.

Rà soát đất 1 vụ lúa xây dựng phương án cải tạo đất lúa 1 vụ đảm bảo điều kiện gieo trồng thành 2 vụ lúa bằng các biện pháp như khai hoang, phục hóa, cải tạo đồng

ruộng, nâng cao độ phì đất, đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông, thủy lợi,... ; đồng thời kịp thời cập nhật biến động đất lúa hàng năm báo cáo cơ quan chuyên môn cấp tỉnh bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất.

### **3. Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai**

- Thực hiện kế hoạch thủy lợi mùa khô năm 2025.
- Tập trung nạo vét kênh mương tưới, tiêu thoát nước khơi thông dòng chảy đáp ứng kịp thời đúng hạn và tiêu úng.
- Chủ động tưới tiêu thoát nước để bảo vệ cây lúa.

### **4. Công tác phòng trừ sâu bệnh**

Vụ Xuân là vụ có nhiều đối tượng sâu bệnh phát sinh và gây hại. Việc phòng trừ sâu bệnh trước hết phải làm tốt công tác dự tính dự báo, phát hiện sớm và khoanh vùng phòng trừ kịp thời, không để lây lan thành dịch, tuy nhiên để chủ động các địa phương cần lưu ý một số đối tượng sau:

*Cây lúa:* Bệnh lùn sọc đen phương Nam; Bệnh đạo ôn lá và cổ bông; Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn; Bệnh khô; Bệnh đen lép hạt; Bọ trĩ, ruồi đục nõn; sâu cuốn lá nhỏ; Sâu đục thân 2 chấm; Rầy nâu, rầy lưng trắng.

*Cây Ngô:* Sâu keo mùa thu; Bệnh lùn sọc đen phương Nam; Sâu xám, sâu ăn lá, sâu đục thân sè; Rệp cò, sâu đục bắp.

*Cây Lạc:* Bệnh lở cổ rễ, bệnh héo xanh, đốm lá, gỉ sắt, bệnh héo vàng và bệnh thối tia, thối củ. Các loại sâu hại như: sâu xanh, sâu cuốn lá lạc là các đối tượng cần chú ý vì có thể phát sinh sớm với mật độ cao và gây hại trên diện rộng.

*Cây sắn:* Bệnh khảm lá sắn vẫn có nguy cơ bùng phát trên diện rộng và mức độ gây hại lớn.

*Chuột:* Vụ Đông Xuân chuột sẽ gây hại ngay từ đầu vụ và suốt trong quá trình sinh trưởng của cây trồng, đặc biệt là vào cuối tháng 3 đầu tháng 4.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. CC Địa chính nông nghiệp, cán bộ khuyến nông xã.**

- Chỉ đạo, theo dõi đơn đốc các thôn thực hiện theo phương án.
- Phối hợp với Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thị xã thường xuyên kiểm tra phát hiện kịp thời sâu bệnh để có biện pháp phòng trừ hiệu quả cho cây trồng.
- Phối hợp với chi nhánh thủy lợi Bim Sơn đảm bảo nước tưới, tiêu hợp lý trong quá trình sản xuất, quan tâm đặc biệt đến công tác chống hạn ở đầu vụ và tiêu úng trong mùa mưa bão.

Chỉ đạo các thôn diệt chuột bảo vệ mùa màng và sức khỏe cộng đồng dân cư, đảm bảo thời gian.

### **2. CC Văn hoá xã.**

Phối hợp với cán bộ, công chức, đơn vị có liên quan để làm tốt công tác tuyên truyền, về phương án sản xuất vụ Chiêm xuân năm 2025.

### **3. CC kế toán xã**

Xây dựng, bố trí nguồn kinh phí triển khai, thực hiện phương án sản xuất vụ

Chiêm xuân năm 2025 đúng quy định của pháp luật.

#### **4. Đối với các thôn**

- Xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Xuân năm 2025 triển khai kế hoạch đến toàn thể nhân dân thực hiện.

- Chỉ đạo nhân dân gieo cấy hết diện tích trong khung thời vụ tốt nhất. Đối với diện tích gieo sạ phải giải phóng đất sớm và kỹ, đảm bảo tưới tiêu hợp lý cơ cấu đồng loại giống để thuận lợi cho việc chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh.

- Thực hiện tốt kế hoạch thủy lợi nội đồng, khơi thông dòng chảy để phục vụ tốt cho công tác sản xuất.

- Đấu môi, phối hợp với Chi nhánh thủy lợi Bim Sơn để đảm bảo việc tưới tiêu.

- Chủ động hợp đồng với các tổ máy giải phóng đất, chỉ đạo các tổ máy giải phóng đất kịp thời, đảm bảo chất lượng cho nhân dân gieo cấy.

- Phối hợp với công chức địa chính nông nghiệp, khuyến nông viên, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thị xã Bim Sơn thường xuyên theo dõi tình hình sâu bệnh để có biện pháp phòng trừ kịp thời. Có kế hoạch tập chung đánh chuột trước khi gieo cấy.

#### **5. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội xã**

- Tích cực vận động, tuyên truyền đến hội viên của mình về thực hiện các chủ trương chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống, kỹ thuật, khắc phục khó khăn, hoàn thành mục tiêu sản xuất vụ Chiêm xuân 2025.

- UBND xã Quang Trung đề nghị các đồng chí Công chức liên quan, cán bộ khuyến nông, trưởng các thôn nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất./.

#### **Nơi nhận:**

- TT Đảng ủy, HĐND, UBND (B/c);
- CC Địa chính NN, Kế toán, Văn hóa xã (Th/h);
- 6 thôn (Th/h);
- HTXDVTH xã Quang Trung (Th/h);
- Lưu; VT, ĐCNN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Văn Thông**

**PHỤ LỤC 01: KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG VỤ XUÂN**

(Kèm theo Phương án số:                    /PA-UBND ngày            tháng 12 năm 2024 của UBND xã Quang Trung)  
**DVT: Ha**

TT	ĐƠN VỊ	TOÀN ĐƠN VỊ	LÚA		NGÔ	RAU CÁC LOẠI	CÂY GIA VỊ	CÂY TRỒNG KHÁC
			TỔNG DT	LÚA LAI				
<b>Toàn xã</b>		<b>137,2</b>	<b>105,2</b>	<b>75</b>	<b>1</b>	<b>28</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
1	Thôn 1	30,6	18,2	15	0,5	11,5	0,4	
2	Thôn 2	34,4	23,5	19	0,4	10,1	0,4	
3	Thôn 3	20	16	12		2,8		1,2
4	Thôn 4	11	10	7		1		
5	Thôn 5	14	13	9		1		
6	Thôn 6	27,2	24,5	13	0,1	1,6	0,2	0,8



**PHỤ LỤC 02: CƠ CẤU GIỐNG VÀ THỜI VỤ GIEO CÂY LÚA XUÂN**

(Kèm theo Phương án số: /PA-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND xã Quang Trung)

<b>Cây trồng</b>	<b>Mùa vụ và chân đất</b>	<b>Loại giống chủ lực</b>	<b>Thời gian sinh trưởng (ngày)</b>	<b>Thời gian gieo mạ</b>	<b>Tuổi mạ (lá)</b>	<b>Thời gian trở (dự kiến)</b>
Lúa	Lúa Xuân sớm và chính vụ, chân đất sâu trũng	Các giống: Xi23, X21, NX30; giống địa phương	180-190	20 -30/11	4,0 - 4,5	20/4-25/4
	Vùng đồng bằng chân đất vằn thấp đến vằn trung bình: Cơ cấu trà xuân muộn tập trung các giống có năng suất cao, chất lượng khá	Lúa lai: Thái xuyên 111, QL301, VT 404, Quốc Tế 1, VT 868, Thụy hương 308, Long Hương 8117, Phúc Thái 168, Nhị ưu 838, Nhị ưu 986, C Ưu đa hệ số 1, Hương ưu 98, Nam Dương 99, Phú ưu số 1, Phú ưu 978, Syn 98, Việt Lai 20; Các giống lúa thuần: TBR45, TBR 1, Q5, Kim cương 90, Lam Sơn 8, DT 80, Thanh Hương, TH8, Hương Bình, QR1, DQ 11, N24, HANA167, ADI 168, Bắc thơm số 7, Hương Thanh 8, Tân Ưu 98, HG12, Thiên Hương 6.	125-135	15 - 20/12	3,5 - 4,0	05-10/4
	Vùng thâm canh trên chân đất vằn cao-vằn trung bình các huyện đồng bằng và ven biển: Cơ cấu trà xuân muộn các giống lúa chất lượng và phục vụ chế biến	Lúa lai: QL301, MHC2, VT656, LP1601, HD879, Nghi Hương 305,...Các giống lúa thuần: Bắc Thịnh, TBR225, TBR279, TBR89, TBR 1, BC 15 (mới), Thái Hương, Thiên ưu 8, HANA số 7, ADI 28, Đài thơm 8, Dự Hương 8, VNR 20, VNR88, Kim cương 111, Khang dân đột biến, TH8, J02, QR15, BQ, LTH31, Hà Phát 3; các giống nếp: N97, N98, A Sào, Nếp Hương, Nếp Thơm 86, KING 6.	125-135	25 - 30/12	3,5 - 4,0	05-10/4
Ngô	Đất chuyên màu, đất lúa khó tưới chuyên trồng ngô	Ngô lai: VS36, PSC102, PSC747, CP311, CP511, CP501S, CP811, NK4300Bt/GT, NK4300, NK66Bt/GT, NK6275, NK 7328, DK6919S, DK6818S, DK9955S , DK9979C; ngô nếp: ADI668, TBM18, HN88, HN68, HN92;	125-135	10 - 15/02	Gieo hạt trực tiếp	Trước 20/6
	Đất đồi thấp	PSC747, PSC102, CP 501S, CP111, NK4300BT/GT, NK4300, CP512, CP501S, DK6919S.	125-135	10 - 25/02		Trước 25/6
Lạc	Đất chuyên màu, đất bãi	L14, L18, L23, L26, TB 25.	125-135	10 - 20/02		Trước 20/6